

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1997 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C .

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1992 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kim N, sinh năm 1962 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà và ông Phạm Văn B chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh C vào năm 2014. Thời gian đầu bà và ông B chung sống với nhau rất hạnh phúc

nhưng thời gian gần đây bà và ông B thường xuyên cự cãi, do ông B không lo cuộc sống kinh tế của gia đình. Xét thấy sống với nhau không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn B. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông B có một người con chung tên Phạm Trí Ph, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2015. Bà yêu cầu giao người con chung cho ông B nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng có 8 chỉ vàng 24k, số vàng này do mẹ chồng là bà Lê Kim N đang giữ giữ. Bà yêu cầu bà N trả lại cho bà và ông B để bà và ông B chia đôi số vàng trên mỗi người được nhận 4 chỉ vàng 24k. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 5 năm 2020 bị đơn ông Phạm Văn B trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của Phạm Thị D về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng. Nay bà D xin ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Về con chung, có một người đúng như bà D đã trình bày. Ông đồng ý nuôi người con chung tên Phạm Trí Ph, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2015, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: vợ chồng có 8 chỉ vàng 24k đúng như bà D trình bày, nhưng hiện tại số vàng trên do ông và bà D nuôi tôm thua lỗ nên mẹ ruột ông là bà Lê Kim N và đã bán hết 8 chỉ vàng 24k để trả nợ cho đại lý Tấn Đạt dùm cho ông và bà D, nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà D. Về nợ chung: Ông và bà D có nợ của đại lý T Đ số tiền 24.447.000 đồng nhưng mẹ ruột của ông là bà N đã bán 8 chỉ vàng 24k của ông và bà D vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 (âl) để trả nợ dùm cho ông và bà D.

- Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 5 năm 2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim N trình bày: Bà thừa nhận bà D và ông B có nhờ bà giữ giữ 8 chỉ vàng 24k, nhưng bà D và ông B nuôi tôm thua lỗ nên bà có nói với bà D và ông B bán số vàng trên để trả nợ cho đại lý Tấn Đạt, bà bán 8 chỉ vàng 24k không đủ trả nợ, bà cho thêm tiền để ông B và bà D đủ trả cho đại lý T Đ 24.447.000 đồng vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 (âl). Do bà đã bán vàng của ông B, bà D để trả nợ cho Biết, bà D nên bà D yêu cầu bà trả số vàng trên cho bà D và ông B để bà D và ông B chia đôi số vàng bà không đồng ý.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D; cho bà Phạm Thị D ly hôn với ông Phạm Văn B, giao người con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng; không chấp yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn B, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân

dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Bà Phạm Thị D với ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà D và ông B là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà D giữ yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn B vì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên hôn nhân giữa bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn B.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị D với ông Phạm Văn B có một người con chung tên Phạm Trí Ph, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2015, con chung đang do ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà D yêu cầu giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa ông B đồng ý nuôi người con chung. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị D với ông Phạm Văn B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà D và ông B, giao người con chung tên Phạm Trí Ph, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2015 cho ông Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà D cho rằng vợ chồng có 08 chỉ vàng 24k giao cho mẹ chồng là bà Lê Kim N, bà D yêu cầu bà N trả 08 chỉ vàng để vợ chồng chia đôi. Bà N thừa nhận có giữ của vợ chồng ông B 08 chỉ vàng 24k; bà N và ông B cho rằng đã bán số vàng để trả nợ cho đại lý T Đ nên không còn. Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B, bà D có nuôi tôm công nghiệp và nợ bà S (chủ đại lý thức ăn thủy sản T Đ) số tiền 24.447.000 đồng và bà N đã bán 08 chỉ vàng 24k để trả cho bà S. Tại biên nhận ngày 12 tháng 11 năm 2015 (BL 25) bà S xác định ông B có nợ 24.447.000 đồng, bà N đã trả thay ông B. Như vậy, bà N đã bán 08 chỉ vàng 24k để trả nợ cho bà S thay ông B. Đối với số nợ ông B nợ bà S phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B và bà D nên là nợ chung của vợ chồng. Do đó, bà N đã bán vàng của ông B, bà D để trả cho bà S nên bà D yêu bà N trả 08 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nợ chung bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn B.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Phạm Trí Ph (giới tính nam), sinh ngày 20 tháng 6 năm 2015 cho ông Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc yêu cầu bà Lê Kim N trả 08 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi.

- Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đ theo biên lai thu tiền số 0011548 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Phạm Thị D được nhận lại 400.000 đồng.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều